

Số: 628 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 03 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Khu khách sạn cao tầng tại Điểm số 1, tuyến du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến (đợt 2) thuộc dự án bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để phục vụ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Khu khách sạn cao tầng tại Điểm số 1, tuyến du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến;

Căn cứ Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất ở tái định cư đối với các hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng dự án Khu khách sạn cao tầng tại Điểm số 1, tuyến du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến và dự án Khu vui chơi Phú Hậu - Cát Tiến, Khu kinh tế Nhơn Hội;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư các dự án trên địa bàn huyện Tuy Phước và huyện Phù Cát (trừ xã Cát Hải) tại Tờ trình số 04/TTr-HĐBT ngày 10/02/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 172/TTr-STNMT ngày 01/03/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Khu khách sạn cao tầng tại Điểm số 1, tuyến du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến (đợt 2) thuộc dự án bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về bồi thường, hỗ trợ

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là **9.788.485.789 đồng** (Chín tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi chín đồng, trong đó:

+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 9.577.774.745 đồng.

+ Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 191.555.495 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 19.116.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 13.381.000 đồng).

+ Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: 19.155.549 đồng.

- Nguồn vốn chi trả: Vốn ngân sách Nhà nước.

(Chi tiết như Phụ lục số 01, 02, 03 kèm theo Quyết định này)

2. Về tái định cư

Bố trí 08 lô đất ở cho 08 hộ dân, với tổng diện tích là 1.078,7m² tại Khu tái định cư Cát Tiến mới (Khu 2). Tiền sử dụng đất các hộ này phải nộp là **7.192.950.000 đồng** (Bảy tỷ, một trăm chín mươi hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

(Chi tiết như Phụ lục số 04 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản

lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và
hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN
DỰ ÁN KHU KHÁCH SẠN CAO TẦNG TẠI ĐIỂM SỐ 1, TUYẾN DU LỊCH BIỂN NHƠN LÝ - CÁT TIẾN (ĐỢT 2)
THUỘC DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, GPMB CÁC DỰ ÁN TRONG KHU KINH TẾ NHƠN HỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m^2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
				Tiền bồi thường, hỗ trợ đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Giá trị BT, HT (đồng)
1	Nguyễn Thị Hoa (gồm bà Hoa và các hộ nhận chuyển nhượng, tặng cho)	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	1.611,50	2.766.153.000	425.541.451	7.536.500	34.126.000	3.233.356.951
2	Nguyễn Văn Tĩnh và ông Nguyễn Văn Nghệ (đại diện hộ ông Nguyễn Lữ – bà Đỗ Thị Phương Ngôn; hộ nhận chuyển nhượng: Ông Võ Công Trứ)	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	2.158,30	135.972.900	0	18.410.600	0	154.383.500
3	Đỗ Thị Kim Thoa (đại diện hộ ông Đỗ Phê)	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	216,00	1.684.800	0	156.000	5.054.400	6.895.200
4	Văn Tấn Sáu - Trần Thị Mười	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	18,20	73.983.000	41.637.967	495.600	0	116.116.567
5	Trần Cư - Nguyễn Thị Thu (cùng các hộ nhận chuyển nhượng)	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	49,70	6.138.600	0	1.324.000	577.200	8.039.800
6	Trần Văn Hà - Phạm Thị Bảy	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	128,20	1.153.800.000	729.820.691	2.174.500	13.420.000	1.899.215.191
7	Nguyễn Ngọc Tài	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	0,00	0	0	0	0	0

8	Trần Bốn - Trần Thị Chuyên (cùng các hộ nhận chuyển nhượng)	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	437,90	3.029.289.000	976.146.537	730.000	70.102.000	4.076.267.537
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ		4.619,80	7.167.021.300	2.173.146.645	30.827.200	123.279.600	9.494.274.745
B	Hỗ trợ thuê nhà ở (Theo Phụ lục số 02)							40.000.000
C	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB (Theo Phụ lục số 03)							43.500.000
D	Chi phí GPMB 2%*(A+B+C)							191.555.495
E	Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế 0,2%*(A+B+C)							19.155.549
Tổng cộng			4.619,80	7.167.021.300	2.173.146.645	30.827.200	123.279.600	9.788.485.789

Phụ lục số 02
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỖ TRỢ THUÊ NHÀ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Hỗ trợ thuê nhà (đồng)
1	Nguyễn Thị Hoa (gồm bà Hoa và các hộ nhận chuyển nhượng, tặng cho)	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	15.000.000
2	Trần Văn Hà - Phạm Thị Bảy	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	10.000.000
3	Trần Bốn - Trần Thị Chuyên (cùng các hộ nhận chuyển nhượng)	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	15.000.000
Tổng cộng			40.000.000

Phụ lục số 03

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ THƯỞNG ĐÃY NHANH TIẾN ĐỘ GPMB

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Giá trị thưởng (đồng)	Cấp nhà, vật kiến trúc
1	Nguyễn Thị Hoa (gồm bà Hoa và các hộ nhận chuyển nhượng, tặng cho)	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	7.000.000	Nhà N ₆
2	Nguyễn Văn Tĩnh và ông Nguyễn Văn Nghệ (đại diện hộ ông Nguyễn Lữ – bà Đỗ Thị Phương Ngôn; hộ nhận chuyển nhượng: Ông Võ Công Trứ)	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	7.000.000	Nhà N ₆
3	Đỗ Thị Kim Thoa (đại diện hộ ông Đỗ Phê)	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	7.000.000	Nhà N ₈
4	Văn Tấn Sáu - Trần Thị Mười	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	1.500.000	Vật kiến trúc
5	Trần Cư - Nguyễn Thị Thu (cùng các hộ nhận chuyển nhượng)	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	1.500.000	Vật kiến trúc
6	Trần Văn Hà - Phạm Thị Bảy	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	8.000.000	Nhà N ₄
7	Nguyễn Ngọc Tài	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	1.500.000	Vật kiến trúc
8	Trần Bốn - Trần Thị Chuyên (cùng các hộ nhận chuyển nhượng)	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	10.000.000	Nhà N ₁
Tổng cộng			43.500.000	

Phụ lục số 04

**BẢNG TỔNG HỢP BỐ TRÍ ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH DO HƯỞNG GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN
KHU KHÁCH SẠN CAO TẦNG TẠI ĐIỂM SỐ 1, TUYẾN DU LỊCH BIỂN NHƠN LÝ - CÁT TIẾN (ĐỢT 2)
THUỘC DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, GPMB CÁC DỰ ÁN TRONG KHU KINH TẾ NHƠN HỘI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Lô đất bố trí tái định cư						Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Lô số	Tên đường	Khu	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Đơn giá đất giá thị trường (đồng/m ²)		
Khu tái định cư Cát Tiến mới (Khu 2)										
1	Nguyễn Thị Hoa	Phú Hậu, Cát Tiến	10	ĐS2	B	150,0	5.000.000	10.000.000	750.000.000	Nộp 150m ² theo đơn giá đất cụ thể.
2	Nguyễn Văn Định Đỗ Thị Bích Nhiệm	Phú Hậu, Cát Tiến	29	ĐS9	F	125,0	4.000.000	7.500.000	762.500.000	Nộp 50m ² theo giá đất ở cụ thể và 75m ² theo đơn giá đất ở thị trường (Lô thứ 2 trong hộ Nguyễn Thị Hoa)
3	Lê Thanh Quy Đỗ Thị Bích Thu	Phú Hậu, Cát Tiến	27	ĐS9	F	125,0	4.000.000	7.500.000	762.500.000	Nộp 50m ² theo giá đất ở cụ thể và 75m ² theo đơn giá đất ở thị trường (Lô thứ 3 trong hộ Nguyễn Thị Hoa)

4	Đỗ Hữu Tín Ngô Thị Trang	Phú Hậu, Cát Tiến	28	ĐS9	F	125,0	4.000.000	7.500.000	762.500.000	Nộp 50m ² theo giá đất ở cụ thể và 75m ² theo đơn giá đất ở thị trường (<i>Lô thứ 4 trong hộ Nguyễn Thị Hoa</i>)
5	Trần Văn Hà Phạm Thị Bảy	Phú Hậu, Cát Tiến	29	ĐS1	I	152,5	7.500.000	15.000.000	1.326.000.000	Nộp 128,2m ² theo giá đất ở cụ thể và 24,3m ² theo đơn giá đất ở thị trường
6	Trần Bốn Trần Thị Chuyên	Phú Hậu, Cát Tiến	30	ĐS1	I	148,7	7.500.000	15.000.000	1.115.250.000	Nộp 148,7m ² theo đơn giá đất cụ thể.
7	Trần Trọng Chiến Trần Thị Kim Tuyền	Phú Hậu, Cát Tiến	31	ĐS9	F	127,5	4.000.000	7.500.000	866.475.000	Nộp 25,65m ² theo đơn giá đất ở cụ thể và 101,85m ² theo đơn giá đất ở thị trường (<i>Lô thứ 2 trong hộ Trần Bốn</i>)
8	Nguyễn Thái Bảo Trần Thị Chính	Phú Hậu, Cát Tiến	30	ĐS9	F	125,0	4.000.000	7.500.000	847.725.000	Nộp 25,65m ² theo đơn giá đất ở cụ thể và 99,35m ² theo đơn giá đất ở thị trường (<i>Lô thứ 3 trong hộ Trần Bốn</i>)
Tổng tiền sử dụng đất phải nộp									7.192.950.000	